TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2025/HNGĐ – ST
Ngày: 13 - 9 - 2025
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Chín;
2. Ông Trần Huệ;
- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Anh Dũng – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 97/2025/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025, về việc "Ly hôn".
Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa:
1. Nguyên đơn: chị Nông Thị Đ, sinh ngày: 27/7/1982
Nơi cư trú: Thôn 9, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 9, xã Ph, tỉnh Đồng Nai)
2. Bị đơn: anh Nông Văn S; sinh ngày: 15/3/1983
Nơi cư trú: Thôn 9, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 9, xã Ph, tỉnh Đồng Nai)
(Nguyên đơn vắng mặt và yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nông Văn S tìm hiểu, tự nguyện tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01, ký ngày 30/11/2001. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng thường có mâu thuẫn nhưng chị vẫn cố

gắng nhẫn nhịn để lo cho con. Tuy nhiên, những năm gần đây mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng do anh Nông Văn S thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, chơi bời, tham gia cờ bạc. Khi về nhà thì anh Nông Văn S chửi bới, gây gỗ vợ con. Chị đã nhiều lần bỏ qua để cùng chăm lo cho con cái nhưng anh Nông Văn S không thay đổi dẫn đến cuộc sống hôn nhân rất mệt mỏi áp lực. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án nhân dân cho chị được ly hôn với anh Nông Văn S.

Về con chung: chị và anh Nông Văn S có 02 con chung là Nông Nhật L, sinh ngày: 13/9/2002 và Nông Mạnh D, sinh ngày: 03/02/2006. Hai con đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Đ về việc ly hôn với anh Nông Văn S.

Về con chung: có 02 con chung tên là Nông Nhật L, sinh ngày: 13/9/2002 và Nông Mạnh D, sinh ngày: 03/02/2006 đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nông Thị Đ (là nguyên đơn) vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Anh Nông Văn S (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nông Thị Đ và anh Nông Văn S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nông Thị Đ khai nhận chị và anh Nông Văn S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tr, tỉnh Lạng Sơn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01, ký ngày 30/11/2001. Lời khai của chị Nông Thị Đ phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 05). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch".* Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị Đ và anh Nông Văn S là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Nông Thị Đ: quá trình giải quyết vụ án, chị Nông Thị Đ khai nhận trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Nông Văn S thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, chơi bời, tham gia cờ bạc. Ngoài ra, anh Nông Văn S nhiều lần chửi bới, gây gỗ vợ con. Xét thấy, không thể tiếp tục chung sống nên chị Nông Thị Đ yêu cầu giải quyết ly hôn. Tại biên bản lấy lời khai thì người làm chứng đều khai nhận người làm chứng nhiều lần nhìn thấy anh Nông Văn S say xỉn, rượu chè và cờ bạc, nhiều lần không có tiền để đánh bài còn cầm cố xe mô tô. Ngoài ra, việc anh Nông Văn S mắng chửi, đánh đập người làm chứng không trực tiếp nhìn thấy nhưng được nghe hàng xóm xung quanh nhà anh Nông Văn S kể lại (bl số 27,30). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai nhiều lần triệu anh Nông Văn S nhưng anh Nông Văn S vẫn vắng mặt coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, có đủ cơ sở xác định anh Nông Văn S có hành vi rượu chè, cờ bạc, có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nông Thị Đ.

[4] Về con chung: chị Nông Thị Đ khai nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là Nông Nhật L, sinh ngày: 13/9/2002 và Nông Mạnh D, sinh ngày: 03/02/2006. Lời khai của chị Nông Thị Đ phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp.

Xét, Nông Nhật L, sinh ngày: 13/9/2002 và Nông Mạnh D, sinh ngày: 03/02/2006 đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về các vấn đề khác:

[7.1] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn".* Do đó, nguyên đơn chị Nông Thị Đ phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7.2] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7.3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với phù hợp với quy định của pháp luật và quan điểm giải quyết của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

- Căn cứ vào Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Đ. Chị Nông Thị Đ được ly hôn với anh Nông Văn S

Giấy chứng nhận kết hôn số 84, ký ngày 30/11/2001 của Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Tr, tỉnh Lạng Sơn không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: chị Nông Thị Đ và anh Nông Văn S có 02 con chung tên là Nông Mạnh D, sinh ngày: 03/02/2006 và Nông Nhật L, sinh ngày: 18/9/2002 đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị Đ phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là

300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009836 lập ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là Thi hành án dân sự khu vực 12 – Đồng Nai) *(đã nộp xong).*

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh